|  |  |
| --- | --- |
| **AGREEMENT LEASING CONTRACT**--o0o--No.: **B-18.11/HDTCH-062024**This Contract is made on the day 1st of June 2024Between | **HỢP ĐỒNG CHO THUÊ CĂN HỘ**--o0o--Số: **B-18.11/HDTCH-062024**Hợp đồng được ký kết vào ngày 01 tháng 06 năm 2024Giữa |
| Landlord’s Information | Thông tin Bên Cho Thuê |
| Name |  | Tên chủ sở hữu  |  |
| ID number |  | Sô CMND  |  |
| Date of issue |  | Ngày cấp |  |
| Place of issue |  | Nơi cấp |  |
| Landlord’s Bank Information | Thông tin ngân hàng Bên Cho Thuê |
| Account name  |  | Tên tài khoản |  |
| Account number |  | Số tài khoản |  |
| Bank |  | Ngân hàng |  |
| Branch name |  | Chi nhánh |  |
| Swift code |  | Swift code |  |
| Hereinafter known as "the Landlord", and | Trong hợp đồng được gọi là Bên Cho Thuê, và |
| Tenant information | Thông tin Khách thuê |
| Name |  | Tên khách thuê |  |
| Passport number |  | Số hộ chiếu |  |
| Date of issue |  | Ngày cấp |  |
| Place of issue |  | Nơi cấp |  |
| Nationality  |  | Quốc tịch |  |
| Hereinafter known as "the Tenant" which expression where the context so admits shall include the Tenant's occupiers. | Trong hợp đồng được gọi là Bên Thuê bao gồm tất cả những người ở trong căn hộ. |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **WHEREBY IT IS AGREED AS FOLLOWS:** | **NHỮNG ĐIỀU KHOẢN THỎA THUẬN:** |
| **ARTICLE A: LEASING DETAILS** | **ĐIỀU A: THÔNG TIN CĂN HỘ CHO THUÊ** |
| **A.1** | That the Landlord agrees to let and the Tenant agrees to take all that premises for use as residence in 01 apartment (02 bedrooms: One Verandah Apartment, B-18.11. Address: no.2 Bat Nan Street, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City with the fixtures, fittings, and other effects therein (as more fully described in the Inventory List attached) commencing from the 1st of June, 2024 to 31st of May, 2025. | **A.1** |  Bên Cho Thuê đồng ý cho Bên Thuê thuê 01 căn hộ (02 phòng ngủ): Căn hộ One Verandah, B-18.11. Địa chỉ: số 2 Đường Bát Nàn – Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với tất cả trang thiết bị, dụng cụ, đồ đạc được liệt kê chi tiết trong “Biên bản bàn giao nhà” được đính kèm theo hợp đồng, với thời gian thuê bắt đầu từ ngày 01 tháng 06 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 05 năm 2025. |
| **A.2** | Leasing purpose: Residence. | **A.2** | Mục đích thuê: để ở. |
| **A.3** | The Tenant agrees to pay every month rental for 01 apartment in the sum of**: 20,000,000 VND (Twenty million Vietnam Dong only).** | **A.3** | Bên Thuê đồng ý thuê 01 căn hộ với giá thuê hàng tháng là: **20.000.000 VND (Hai mươi triệu Việt Nam Đồng chẵn).** |
| **A.4** | The price is fixed during leasing term. The said above price included:* The rental price
 | **A.4** | Giá thuê cố định trong thời gian thuê. Giá nêu trên bao gồm:* Tiền thuê nhà
 |
| **A.5** | The above price excludes other fees (if any). The Tenant is responsible to pay those bills directly to the relevant suppliers. | **A.5** | Giá nêu trên không bao gồm các chi phí khác (nếu có). Bên Thuê có trách nhiệm thanh toán trực tiếp các loại chi phí nêu trên với các nhà cung cấp theo nhu cầu sử dụng. |
| **ARTICLE B: DEPOSIT & PAYMENT TERMS** | **ĐIỀU B: ĐẶT CỌC VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN** |
| **B.1** | The Tenant will place a deposit for lease of **40,000,000 VND** (Forty million Vietnam Dong only) within 3 (three) days after this leasing contract is signed.After receiving the deposit, if the Landlord cancels this Contract, the Landlord has to refund the deposit plus the penalty of the same amount as compensation to the Tenant.Conversely, after paying the deposit, if the Tenant cancels this Contract, the Tenant will lose the deposit. | **B.1** | Bên Thuê sẽ thanh toán tiền cọc là: **40.000.000 VND** (Bốn mươi triệu Việt Nam đồng) trong vòng 03 (ba) ngày sau khi các bên ký Hợp đồng này. Sau khi nhận cọc, nếu Bên Cho Thuê đổi ý không cho thuê nhà như đã thỏa thuận trong Hợp đồng này thì Bên Cho Thuê phải trả lại số tiền cọc và bồi thường số tiền tương đương số tiền cọc đã nhận cho Bên Thuê.Ngược lại, sau khi đã đặt cọc, nếu Bên Thuê đổi ý không thuê căn hộ như đã thỏa thuận trong Hợp đồng này thì Bên Thuê sẽ mất số tiền đã đặt cọc. |
| **B.2** | This deposit will be returned to the Tenant within **7 (seven) days** as same amount and same currency which paid by the Tenant after termination of this Agreement less any deduction for missing or damaged fixtures, fittings (if have, except for problems caused by natural wear and tear during use) and other effects, and after deducting all relative bills (if any). | **B.2** | Tiền cọc này sẽ được hoàn trả lại cho Bên Thuê trong vòng **07 (bảy) ngày**, theo đúng số tiền và cùng loại tiền tệ mà Bên Thuê đã thanh toán, sau khi hợp đồng kết thúc và sẽ là số tiền sau khi đã trừ đi tất cả chi phí sửa chữa hư hỏng, mất mát, thiệt hại về trang thiết bị nội thất trong nhà (nếu có, ngoại trừ những vấn đề xảy ra do trang thiết bị hao mòn tự nhiên trong quá trình sử dụng) hoặc chi phí điện nước và các chi phí liên quan khác còn thiếu trong quá trình ở tại căn hộ (nếu có). |
| **B.3** | The rental payment will be made **every 1 (one) month** within **10 (ten) working days** from **the 01 date** of the first month of each payment period by Bank Transfer or Cash. Banking charge (if any) will be paid by The Tenant. Particularly for the first payment period, the Tenant must pay the Landlord in June 1st, 2024. | **B.3** | Tiền thuê được thanh toán định kỳ 1 **(một) tháng một lần** trong **(10) mười ngày làm việc** kể từ **ngày 01** của tháng đầu tiên mỗi kỳ thanh toán bằng chuyển khoản ngân hàng hoặc tiền mặt. Lệ phí ngân hàng (nếu có) sẽ do Bên Thuê thanh toán. Riêng tiền thuê nhà kỳ đầu tiên, Bên Thuê phải thanh toán cho Bên Cho Thuê trong ngày 01/06/2024. |
| **B.4** | If the payment has not been done after **15 (fifteen) days** from last due date of payment, it would have been meant that the leasing contract is unilaterally terminated by the Tenant. In this case, the Tenant will lose two months deposit as penalty according to Article B Clause B.1 in this Agreement and must settle the unpaid rent and all related bills. | **B.4** | Nếu sau **15 (mười lăm) ngày** kể từ ngày đến hạn phải thanh toán, Bên Thuê vẫn chưa hoàn tất nghĩa vụ thanh toán tiền thuê nhà thì được xem là hợp đồng chấm dứt trước hạn do lỗi Bên Thuê và Bên Thuê không được yêu cầu bồi thường hoặc khiếu nại. Bên Thuê sẽ mất tiền đặt cọc như đã quy định tại Mục B điều khoản B.1 của hợp đồng này và phải thanh toán tiền nhà và các khoản còn nợ cho Bên Cho Thuê. |
| **ARTICLE C: LANDLORD’S RESPONSIBILITY** | **ĐIỀU C: TRÁCH NHIỆM BÊN CHO THUÊ** |
| **C.1** | Handover the apartment together with its utilities and equipment as well as instructions of all equipment to the Tenant on the first day of validity of this agreement. | **C.1** | Bàn giao căn hộ với đầy đủ trang thiết bị và hướng dẫn sử dụng của tất cả các thiết bị cho Bên Thuê vào ngày đầu tiên của hợp đồng cho thuê căn hộ có hiệu lực. |
| **C.2** | Guarantee the right of access and private use of the premises. | **C.2** | Đảm bảo Bên Thuê độc quyền sử dụng căn hộ. |
| **C.3** | Install all furniture and fixtures enumerated in the attached inventory. | **C.3** | Lắp đặt các trang vật dụng đầy đủ đã được liệt kê trong bản bàn giao căn hộ. |
| **C.4** | When notified by the Tenant of malfunctions relating to the structure such as wall, ceiling, floor, plumbing, electricity, water, AC, water heater, take immediate appropriate action with the building and contractor no later than 07 (seven) days except the malfunction caused by the Tenant. In case the Landlord fails to make the repair in time after 07 (seven) days from the date of notice by the Tenant or the Occupant, the Tenant will choose the right to repair and the Landlord will pay the actual repair cost within 05 (five) working days from the date of receipt of payment request with invoice from Tenant or Occupant. | **C.4** | Liên hệ với tòa nhà và nhà thầu nhanh chóng sửa chữa tất cả hư hỏng liên quan tới cấu trúc như tường, trần, sàn, hệ thống ống thông, điện nước, máy lạnh, máy nước nóng khi Bên Thuê yêu cầu không trễ hơn 07 (bảy) ngày, trừ những hư hỏng do Bên Thuê không sử dụng đúng.Trường hợp Bên Cho Thuê không kịp sửa chữa sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày Bên Thuê hoặc Người cư trú thông báo, Bên Thuê sẽ tự lựa chọn quyền sửa chữa và Bên Cho Thuê sẽ thanh toán lại chi phí sửa chữa thực tế trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu thanh toán với hóa đơn từ Bên Thuê hoặc Người cư trú. |
| **C.5** | To ensure that the leased apartment as Article A is not subject to any dispute. | **C.5** | Đảm bảo quyền cho thuê căn hộ nêu tại điều A của Hợp đồng là hợp pháp, không có bất kỳ tranh chấp nào. |
| **C.6** | In the case there is any changes of the Landlord or ownership of the property, The Landlord takes responsibilities to keep the lease, which will go by new owner and The Tenant, going on expired date as same conditions with this agreement.If the new owner doesn’t agree to let the Tenant continuously stay at the apartment, which is considered as the Landlord unilaterally terminates the leasing contract before its expiry date according to article **E.1-2** in this contract. | **C.6** | Trong trường hợp có sự thay đổi về chủ sở hữu hay quyền sử dụng bất động sản, Bên Cho Thuê vẫn phải đảm bảo việc thực hiện hợp đồng này giữa chủ sở hữu mới và Bên Thuê cùng với điều kiện và điều khoản cho đến khi kết thúc hợp đồng.Nếu chủ sở hữu mới không đồng ý cho Bên Thuê tiếp tục ở tại căn hộ, thì xem như là Bên Cho Thuê đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn và xử lý theo điều **E.1-2** trong Hợp đồng này. |
| **C.7** | To ensure the right for Tenant mentioned in this lease contract as well as the responsibilities of the Building Management Office to Residents that defined by Building Regulations. | **C.7** | Đảm bảo quyền lợi của Bên Thuê như được nêu trong Hợp đồng này cũng như trách nhiệm của Ban Quản Lý Toà nhà đối với khách cư ngụ theo quy định quản lý chung của Toà Nhà. |
| **C.8** | To have right to show the premises to other tenants within the last 30-days before the Apartment Lease Contract expires or terminates. The Tenant agrees to allow The Landlord's representative to show the Apartment. The Landlord has to inform in advance and have The Tenant’s prior consent. | **C.8** | Có quyền giới thiệu căn hộ cho những người thuê khác trong vòng 30 ngày cuối cùng trước khi Hợp đồng Thuê Căn hộ hết hạn hoặc chấm dứt. Người thuê đồng ý cho phép đại diện của Chủ nhà giới thiệu căn hộ cho khách thuê mới. Bên cho thuê phải thông báo trước và được sự đồng ý trước của Bên Thuê. |
| **C.9** | To be responsible to register the Tenant ’s temporary residence at Local Authorities for the first time. | **C.9** | Chịu trách nhiệm đăng ký tạm trú cho Bên Thuê tại chính quyền địa phương cho lần đầu tiên. |
| **C.10** | The Landlord will perform the following tasks before handing over the Apartment to the Tenant:Cleaning the whole apartment before handing over to the Tenant. | **C.10** | Bên Cho Thuê sẽ thực hiện một số công việc sau trước khi bàn giao căn hộ cho Bên Thuê:Vệ sinh lại toàn bộ căn hộ cho Bên Cho Thuê trước ngày bàn giao căn hộ. |
| **ARTICLE D: THE TENANT’S RESPONSIBILITY** | **ĐIỀU D: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN THUÊ** |
| **D.1** | No part of this agreement confers upon the Tenant the right to re-let and/or sublet the apartment in any methods and/or non-engages in any alterations to the structural design of the premises without prior written agreement by the Landlord. Any renovation or construction works (if any and accepted by the Landlord) shall obey the building’s regulations and instructions. | **D.1** | Không được quyền chuyển nhượng hợp đồng hoặc cho thuê lại căn hộ dưới bất cứ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Bên Cho Thuê. Không được tự ý trong việc thay đồi, sửa chữa, cải tạo căn hộ hay tự ý xâm phạm thay đổi kết cấu, thay đổi hiện trạng căn hộ mà không có sự đồng ý của Bên Cho Thuê. Tất cả việc sửa chữa cải tạo (nếu có và được sự đồng ý của Bên Cho Thuê) phải tuân thủ theo quy định chung của toà nhà. |
| **D.2** | The Tenant will be liable for the following: | **D.2** | Bên Thuê có trách nhiệm sau: |
| **D.2-1** | Pay rent on time, as stipulated in Article B Clause 3. The Tenant pays the electricity, water according to the actual volume used by the Tenant. | **D.2-1** | Thanh toán tiền nhà đúng kỳ hạn đã nêu trong Điều B mục 3. Bên Thuê thanh toán tiền điện, nước theo khối lượng thực tế mà Bên Thuê sử dụng. |
| **D.2-2** | Use the premises in keeping with the contents of this agreement and eventually in handing back the premises. | **D.2-2** | Sử dụng căn hộ đúng mục đích như đã nêu trên cho tới khi kết thúc hợp đồng. |
| **D.2-3** | Ensure that the premises with all fixtures and fittings enumerated in the attached inventory are in good condition as of the first day of this agreement with the provision except for natural wear-and-tear. | **D.2-3** | Đảm bảo các vật dụng trang thiết bị đồ đạc được nêu trong biên bản bàn giao luôn trong tình trạng tốt như lúc đầu ngoại trừ những hao mòn tự nhiên. |
| **D.2-4** | Take responsibility for any interior damage to the apartment (i.e, light bulbs, cupboard doors, keys) and its neighbours (i.e. water leakage, clogged toilet) that was defined the faults caused by The Tenant. Except for problems caused by natural wear and tear during use. | **D.2-4** | Tự chịu trách nhiệm với bất kỳ hư hỏng làm ảnh hưởng tới căn hộ (như bóng đèn, cửa tủ, chìa khóa) hoặc những căn hộ kề bên (như rỉ nước, nghẹt bồn cầu) mà được xác định là do lỗi của Bên Thuê sử dụng, ngoại trừ những hao mòn tự nhiên trong quá trình sử dụng. |
| **D.2-5** | Pay back to the Landlord the cost of repairing or buying new items, equipment, furniture damaged or lost due to the fault of the Tenant. | **D.2-5** | Thanh toán lại cho Bên Cho Thuê chi phí sửa chữa hoặc mua mới những vật dụng trang thiết bị đồ đạc bị hư hỏng hay thất lạc do lỗi của Bên Thuê. |
| **D.2-6** | Comply with public order of the management of the building and Vietnam law, and to obey by all regulations and rules on environmental hygiene, public order and security and to implement internal regulations on fire prevention and firefighting. | **D.2-6** | Tuân thủ trật tự công cộng về quản lý tòa nhà và pháp luật Việt Nam, đồng thời tuân thủ mọi quy định và quy tắc về vệ sinh môi trường, trật tự an ninh công cộng và thực hiện các quy định nội bộ về phòng cháy chữa cháy. |
| **D.2-7** | Not allow to keep, buy, and sell weapons, drugs, flammable and explosive things under Vietnam’s law. | **D.2-7** | Không được tàng trữ, mua bán vũ khí các loại, chất gây nghiện, chất cháy nổ… bị cấm lưu hành theo pháp luật Việt Nam. |
| **D.2-8** | Send the Landlord the registration list as well as copy of ID card or valid passport and temporary resident certificate before the start date.When there is a new visa, passport, temporary resident card, the Tenant must notify and provide it to the Landlord for updating. | **D.2-8** | Gửi danh sách chi tiết khách lưu trú cũng như bản photo visa, passport, thẻ cư trú còn thời hạn cho Bên Cho Thuê trước khi vào ở. Khi có visa, passport, thẻ cư trú mới, Bên Thuê phải thông báo và cung cấp cho Bên Cho Thuê để tiến hành cập nhật. |
| **D.2-9** | Be responsible for his/her own property. | **D.2-9** | Bên thuê tự bảo quản tài sản của mình. |
| **D.2-10** | Provide a written notice to The Landlord for extension requirement before 30 (thirty) days. In case Tenant does not continue to renew the Lease Contract, Tenant will ensure to clean the apartment before handing over to the Landlord. | **D.2-10** | Thông báo cho Bên Cho Thuê bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày về nhu cầu gia hạn hợp đồng thuê nhà. Trong trường hợp Bên Thuê không tiếp tục gia hạn Hợp đồng thuê, Bên Thuê đảm bảo vệ sinh căn hộ sạch sẽ trước khi bàn giao lại cho Bên Cho Thuê. |
| **ARTICLE E: PREMATURE AGREEMENT TERMINATION** | **ĐIỀU E: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC HẠN** |
| **E.1** | This agreement may be terminated by the following: | **E.1** | Hợp đồng này có thể được chấm dứt trước thời hạn khi:  |
| **E.1-1** | If the Tenant would like to terminate the contract before its expiry date, the Tenant shall be responsible for the notice in writing to the Landlord at least **1 (one) month** in advance. The Tenant will not be refunded the deposit, but the Tenant will be refunded the unused portion of the advance rent (if any). The Tenant has responsibility to pay all the utilities bills such as electricity, water, Internet, gas. | **E.1-1** | Nếu Bên Thuê muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì Bên Thuê phải có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên Cho Thuê trước ít nhất **01** **(một) tháng**. Bên Thuê sẽ không được hoàn lại tiền cọc, nhưng Bên Thuê sẽ được hoàn lại phần tiền thuê nhà đã trả trước cho thời gian chưa sử dụng đến (nếu có). Bên Thuê phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các hóa đơn sử dụng các tiện ích như tiền điện, tiền nước, tiền gas,... |
| **E.1-2** | If the Landlord would like to terminate the contract before its expiry date, the Landlord shall be responsible for the notice in writing to the Tenant at least **1 (one) month** in advance and be responsible to refund the deposit, paid rental but not use (if any) and compensate an amount equivalent to the deposit to the Tenant. In this case, the tenant must pay all utility bills such as electricity, water, gas,... | **E.1-2** | Nếu Bên Cho Thuê muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì Bên Cho Thuê phải có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên Thuê ít nhất **01 (một) tháng**, trả lại số tiền cọc, số tiền thuê đã thanh toán nhưng chưa sử dụng (nếu có) và bồi thường một khoản tương đương với tiền cọc cho Bên Thuê. Trong trường hợp này, Bên Thuê phải thanh toán đầy đủ các hóa đơn sử dụng các tiện ích như tiền điện, tiền nước, tiền gas,... |
| **E.1-3** | If either party breaches any provision of this agreement, the non-breached Party has the right to unilaterally terminate the Contract by giving written notice to the breaching Party.If the Tenant is the breaching Party, it will be handled according to Article E, section E.1.1.If the Landlord is the breaching Party, it will be handled according to Article E, section E.1.2. | **E.1-3** | Nếu một trong hai bên vi phạm bất kỳ điều khoản nào của thỏa thuận này, thì Bên không bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên vi phạm.Nếu Bên Thuê là bên vi phạm, sẽ bị xử lý như điều E, mục E.1.1.Nếu Bên Cho Thuê là bên vi phạm, sẽ bị xử lý như điều E, mục E.1.2. |
| **E.2** | This agreement will be terminated and void without prior notice in each of the following cases: | **E.2** | Hợp đồng này sẽ kết thúc và không còn giá trị pháp lý trong những trường hợp sau: |
| **E.2-1** | The Agreement is expired as agrees on **23/09/2024.** | **E.2-1** | Hết hạn hợp đồng như đã giao ước ngày **23/09/2024**. |
| **E.2-2** | The house is demolished by decision of competent authorities or by natural disaster, fire (not caused by the Tenant's carelessness).In these cases, the Tenant will be refunded the deposit and the unused portion of the advance rent (if any). The Tenant has responsibility to pay all the utilities bills (such as electricity, water, Internet, gas…). | **E.2-2** | Căn hộ bị phá dỡ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hay thiên tai, hỏa hoạn (không phải gây ra do sự bất cẩn của Bên Thuê).Trong những trường hợp này, Bên Thuê sẽ được hoàn lại tiền cọc và phần tiền thuê nhà đã trả trước cho thời gian chưa sử dụng đến (nếu có). Bên Thuê sẽ thanh toán đầy đủ tất cả các hóa đơn trong thời gian sử dụng nhà (như: điện, nước, Internet, gas..). |
| **ARTICLE F: RENEWAL OR TERMINATION OF AGREEMENT** | **ĐIỀU F: GIA HẠN HOẶC KẾT THÚC HỢP ĐỒNG** |
| **F.1** | On the expiry of the stated term, the Tenant has the option for extend to lease for another one year period. The price will be negotiated between both parties within 30 (thirty) days before the end of the Agreement Lease Contract | **F.1** | Hết thời hạn thuê, Bên Thuê có thể gia hạn thêm hợp đồng thuê cho một năm tiếp theo. Giá cả sẽ được thỏa thuận giữa hai bên trước thời điểm kết thúc hợp đồng thuê ít nhất 30 (ba mươi) ngày. |
| **ARTICLE G: GENERAL CLAUSES** | **ĐIỀU G: CAM KẾT CHUNG** |
| **G.1** | Every change or amendment to this contract shall be agreed mutually upon by both the Landlord and the Tenant and done so consequently in writing. | **G.1** | Mọi sự thay đổi hoặc bổ sung trong hợp đồng này phải được sự đồng ý của cả hai bên và được thông báo bằng văn bản. |
| **G.2** | This agreement shall be governed by and construed in accordance with the laws of Vietnam. | **G.2** | Hợp đồng này tuân theo pháp luật Việt Nam. |
| **G.3** | This Agreement is written in both Vietnamese and English. Both versions shall be given equal effect in accordance with internationally accepted principles of interpretation of multi-lingual texts. If there is any inconsistency between the Vietnamese and English versions of this Agreement, the Vietnamese version shall prevail. | **G.3** | Thỏa thuận này được viết bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Cả hai phiên bản sẽ có hiệu lực như nhau phù hợp với các nguyên tắc giải thích văn bản đa ngôn ngữ được quốc tế chấp nhận. Trong trường hợp có bất kỳ sự mâu thuẫn nào giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh của Thỏa thuận này, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng. |
| **G.4** | All disputes arising between the parties concerned, out of/or relation to this agreement shall be finally settled by the local court having jurisdiction over the Landlord. | **G.4** | Mọi vấn đề tranh chấp không thể giải quyết được giữa hai bên thì sẽ trình lên tòa án có thẩm quyền để giải quyết. |
| **G.5** | This agreement is made into 03 (three) original copies in English and Vietnamese. Landlord keeps 02 (two), Tenant keeps 01 (one). This agreement is valid from the signing date. | **G.5** | Hợp đồng này được in ra thành 03 (ba) bản tiếng Anh và tiếng Việt. Bên Cho Thuê giữ 02 (hai) bản, Bên Thuê giữ 01 (một) bản. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký kết. |
| **THE LANDLORD/ BÊN CHO THUÊ** | **THE TENANT/ BÊN THUÊ** |
|  |  |